

**TÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ -ST

Ngày 28/3/2022.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tịch phiên Tòa: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Ph;

2/. Bà Nguyễn H L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên Tòa: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp Mỹ Tân, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Tuyết H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp Mỹ Tân, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông T và bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày: Ông với bà Trương Thị Tuyết H làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2002, còn ngày tháng nào Kg nhớ, Kg có đăng ký kết hôn, đến nay cũng Kg có đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, ông với bà H có 03 người con tên Đặng Chí L, sinh ngày 03/10/2003, Đặng Trí K, sinh ngày 28/5/2006 và Đặng Chí H, sinh ngày 22/02/2013. Người con tên L đã thành niên sống tự lập, còn lại Đặng Trí K và Đặng Chí H đang sống với ông. Về tài sản chung ông với bà Kg có tài sản chung, về nợ chung Kg có nợ ai hoặc ai nợ ông, bà. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị Tuyết H, yêu cầu nuôi con tên Đặng Trí K và Đặng Chí H, Kg yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con; về con chung người con tên Đặng Chí L đã thành niên nên ông

Kg yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung Kg có nên Kg yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trương Thị Tuyết H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông T về hôn nhân, bà và ông làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2002, còn ngày tháng nào Kg nhớ, Kg có đăng ký kết hôn, đến nay cũng Kg có đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, ông với bà H có 03 người con tên Đặng Chí L, sinh ngày 03/10/2003, Đặng Trí K, sinh ngày 28/5/2006 và Đặng Chí H, sinh ngày 22/02/2013. Người con tên L đã thành niên sống tự lập, còn lại Đặng Trí K và Đặng Chí H đang sống với ông. Về tài sản chung ông với bà Kg có tài sản chung, về nợ chung Kg có nợ ai hoặc ai nợ bà, ông. Nay bà H đồng ý tất cả các yêu cầu của ông T.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Kg công nhận ông Đặng Văn T và bà Trương Thị Tuyết H là vợ chồng.

- + Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Đặng Trí K, sinh ngày 28/5/2006 và Đặng Chí H, sinh ngày 22/02/2013 cho ông Đặng Văn T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung Kg ai có quyền cản trở.

- + Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự Kg yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Kg đặt ra xem xét giải quyết.

- + Về án phí: ông T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đặng Văn T kiện bà Trương Thị Tuyết H về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử nên việc xét xử vắng mặt ông T, bà H là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Cả ông T và bà H đều thống nhất khai, ông và bà làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2002, còn ngày tháng nào Kg nhớ, Kg có đăng ký kết hôn, đến nay cũng Kg có đăng ký kết hôn. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà H, về phía bà H cũng đồng ý ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân giữa

ông T và bà H là trầm trọng, đời sống chung Kg thể kéo dài, mục đích hôn nhân Kg đạt được. Tuy nhiên, do ông T và bà H Kg có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Kg công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Văn T và bà Trương Thị Tuyết H.

[3] Về con chung: Theo lời khai của ông T và bà H, trong thời kỳ hôn nhân có 03 người con tên Đặng Chí L, sinh ngày 03/10/2003, Đặng Trí K, sinh ngày 28/5/2006 và Đặng Chí H, sinh ngày 22/02/2013. Người con tên L đã thành niên sống tự lập, ông T Kg có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kg đặt ra xem xét giải quyết. Người con tên Đặng Trí K và Đặng Chí H đang sống với ông T, khi ly hôn ông T có yêu cầu nuôi 02 người con, Kg yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; về phía bà H thống nhất cho ông T tiếp tục nuôi 02 người con; Theo lời khai của cháu K và cháu H thì các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông T. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự thỏa thuận của ông T và bà H, tiếp tục giao cháu các Đặng Trí K, sinh ngày 28/5/2006 và Đặng Chí H, sinh ngày 22/02/2013 cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Về cấp dưỡng do ông T, bà H Kg có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kg đặt ra xem xét giải quyết. Bà H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung Kg ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của ông T và bà H thì ông, bà Kg có tài sản chung, Kg nợ ai hoặc ai nợ ông, bà, ông, bà Kg yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử Kg đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Đặng Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận Tàn bộ.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Kg công nhận ông Đặng Văn T và bà Trương Thị Tuyết H có quan hệ vợ chồng.

2/. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông T và bà H, tiếp tục giao cháu các Đặng Trí K, sinh ngày 28/5/2006 và Đặng Chí H, sinh ngày 22/02/2013 cho ông T nuôi

đưỡng, chăm sóc và giáo dục; bà H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung Kg ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Kg đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc ông Đặng Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005044 ngày 17 tháng 02 năm 2022 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Bà Trương Thị Tuyết H Kg phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn